|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT NGHỆ AN** | **ĐỀ THI KS HỌC SINH GIỎI LỚP 12**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn thi: ĐỊA LÍ –THPT- BẢNG A**  ***Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)*** |

**Câu I (3,0 điểm)**

1. Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời giữa hai chí tuyến ảnh hưởng tới dải hội tụ nhiệt đới và mùa của vùng nhiệt đới như thế nào?

2. So sánh Frông và giải hội tụ nhiệt đới.

3. Tại sao xích đạo không có đầy đủ các loài sinh vật cư trú trên Trái Đất ?

**Câu II (3,0 điểm)**

1. Phân tích hệ quả của khu vực hóa kinh tế.

2. Tại sao biến đổi khí hậu trở thành vấn đề cấp bách hiện nay?

3. Trình bày những đặc điểm nổi bật của ngành thương mại của Nhật Bản.

**Câu III *(4,0 điểm)***

1. Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sinh vật nước ta.

2. Giải thích vì sao khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương ?

3. Nêu đặc điểm thiên nhiên nổi bật của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.

**Câu IV *(3,0 điểm):***

1. Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành (Đơn vị: Tỷ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
| Thế giới | 66051 | 76164 | 80951 | 85910 | 87610 |
| Nhật Bản | 5700 | 4926 | 4859 | 4971 | 5065 |

Nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới, Nhật Bản giai đoạn 2010 - 2019.

2. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên, thời kì  *1975 - 2020* .(Đơn vị: % )

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm nước | 1975-1980 | 1985 - 1990 | 1995 - 2000 | 2010-2015 | 2015-2020 |
| Phát triển | 0,8 | 0,6 | 0,2 | 0,1 | 0,1 |
| Đang phát triển | 2,0 | 1,9 | 1,7 | 1,4 | 1,3 |
| Toàn thế giới | 1,6 | 1,6 | 1,4 | 1,2 | 1,1 |

Nêu nhận xét, giải thích tỷ suất tăng dân số tự nhiên thời kỳ 1975 – 2020.

**Câu V*(4,0 điểm)*:** Dựa vào Atlat Địa Lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy :

1. Cho biết những nhân tố cơ bản tạo nên tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu nước ta.

2. Xác định các vùng có nhiệt độ trung bình năm cao nhất, thấp nhất ở nước ta và giải thích.

3. Hãy so sánh đặc điểm địa hình vùng núi Trường sơn Bắc và Trường sơn Nam?

**Câu VI *(3,0 điểm):*****Lưu lượng nước trung bình trên sông Thu Bồn và sông Đồng Nai**

**(Đơn vị: m3/s)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Thu Bồn** | **202** | **115** | **75,1** | **58,2** | **91,4** | **120** | **88,6** | **69,6** | **151** | **519** | **954** | **448** |
| **Đồng Nai** | **103** | **66,2** | **48,4** | **59,8** | **127** | **417** | **751** | **1345** | **1317** | **1279** | **594** | **239** |

**1.** Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện **lưu lượng nước trung bình trên sông Thu Bồn và sông**

**Đồng Nai**.

2. **So sánh về thủy chế của sông Thu Bồn và sông Đồng Nai.**

---------------------- HẾT ----------------------

*Họ và tên thí sinh....................................................Số báo danh......................................*

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT NAM YÊN THÀNH  *(Gồm có trang)* | HƯỚNG DẪN CHẤM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP THPT  NĂM HỌC 2022 - 2023  Môn thi: ĐỊA LÍ - BẢNG A |

| Câu | Ý | Nội dung | Điểm |
| --- | --- | --- | --- |
| I  3.0đ | 1 | **Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời giữa hai chí tuyến ảnh hưởng tới dải hội tụ nhiệt đới và mùa của vùng nhiệt đới** | (1,25) |
|  | - Nêu khái niệm chuyển động biểu kiến hằng năm của Mặt Trời, khái niệm dải hội tụ nhiệt đới.  - Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời kéo theo sự dịch chuyển của dải hội tụ nhiệt đới về phía bán cầu trong mùa hạ.  + Vào tháng 7: Dải hội tụ nhiệt đới di chuyển lên bán cầu Bắc, vì bán cầu Bắc là mùa hạ.  + Vào tháng 1: Dải hội tụ nhiệt đới di chuyển xuống bán cầu Nam, vì bán cầu Nam là mùa hạ.  - Ảnh hưởng đến mùa của vùng nhiệt đới:  +Từ 21/3 đến 23/9 Mặt Trời chuyển động biểu kiến lên bán cầu Bắc nên bán cầu Bắc là mùa nóng, bán cầu Nam là mùa lạnh.  +Từ 23/9 đến 21/3 Mặt Trời chuyển động biểu kiến xuống bán cầu Nam nên bán cầu Nam là mùa nóng, bán cầu Bắc là mùa lạnh. | 0,25    0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 2 | **So sánh Frông và giải hội tụ nhiệt đới.**  - Giống nhau:  + Là mặt tiếp xúc của hai khối khí ngược hướng nhau  + Gây mưa lớn  - Khác nhau: khái niệm, phân bố.  + Frong:  Frông là mặt ngăn cách giữa hai khối khí có sự khác biệt nhau về tính chất vật lí.  Phân bố ở giữa các khối khí cực và ôn đới (FA), giữa các khối khí ôn đới và chí tuyến (FP) ở 2 bán cầu Bắc, Nam.  + Dải hội tụ nhiệt đới: là sự giao nhau của hai khối khí cùng tính chất nóng ẩm, khác nhau về hướng gió.  Phân bố ở khu vực nhiệt đới, xích đạo. | (1,0)  0,5  0,5 |
| 3 | **Xích đạo không có đầy đủ các loài sinh vật cư trú trên Trái Đất vì:**  - Sự phát triển và phân bố của sinh vật phụ thuộc vào nhiều nhân tố: khí hậu, địa hình, đất, sinh vật, con người. Mỗi loài sinh vật lại thích nghi với 1 điều kiện sinh thái nhất định (đòi hỏi những đặc điểm riêng về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, đất)  - Ở Xích đạo có nền nhiệt cao, nguồn nước dồi dào, độ ẩm lớn, giàu ánh sáng, đất fralit đỏ vàng với tầng đất dày, đất giàu ẩm và tính chất vật lí tốt, nên có nhiều loài thực vật phát triển, nhiều loại động vật đến sinh sống (các loài thích hợp khí hậu nóng)  - Xích đạo không có các loài sinh vật vùng khí hậu ôn đới, khí hậu lạnh (gấu, chim cánh cụt...) khí hậu ở vùng cực kể cả trên các vùng núi cao của Xích đạo cũng không thể có các loài này. | (0,75)  0,25  0,25  0,25 |
| II  (3,0đ) | 1 | **Hệ quả của khu vực hóa** | (1,0) |
|  | - Tích cực:  + Là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế trong khu vực  + Thúc đẩy mở cửa thị trường quốc gia và tạo lập thị trường khu vực rộng lớn  + Tăng cường thúc đẩy quá trình Toàn cầu hóa. Tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết của các nước trong khu vực  - Tiêu cực:  + Vấn đề tự chủ kinh tế, quyền lực quốc gia, ...  + Những mâu thuẫn về quyền lợi và nghĩa vụ của các nước khi tham gia | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | 2 | **Tại sao biến đổi khí hậu trở thành vấn đề cấp bách hiện nay** | (1,0) |
|  | - Sự thay đổi khí hậu đang diễn ra với tốc độ nhanh chưa từng có, bởi một khối lượng khổng lồ khí CO2, NH4 và các khí khác gây hậu quả nghiêm trọng  - Các hậu quả  + Ảnh hưởng đến sức khỏe con người: như ung thư gia, gây mù mắt…  + Ảnh hưởng đến mùa màng, sinh vật, dịch bệnh hại cây trồng vật nuôi..  + Băng tan gây ngập lụt, mất đất lương thực, đe dọa thiếu lương thực…  + Mưa a xít ảnh hưởng đến tài nguyên đất, nước , sinh vật, công trình xây dựng  + Thiên tai diễn biến thất thường không theo quy luật gây thiệt hại lớn đến tính mạng và tài sản con người  + Môi trường sống bị suy thoái nghiêm trọng | 0,25  0,75 |
| 3 | **Trình bày những đặc điểm nổi bật về ngành thương mại của Nhật Bản.** | (1,0) |
|  | - Giá trị xuất nhập khẩu lớn, đứng thứ tư thế giới về thương mại, cán cân thương  mại dương (xuất siêu).  - Bạn hàng của Nhật Bản gồm cả các nước phát triển và đang phát triển ở khắp các  châu lục, trong đó quan trọng nhất là Hoa Kì, Trung Quốc, EU, Đông Nam Á,  Ô-xtrây-li-a.  - Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm:  + Sản phẩm nông nghiệp: lúa mì, lúa gạo, đỗ tương, hoa quả, đường, thịt, hải sản,...  + Năng lượng: than, dầu mỏ, khí tự nhiên,...  + Nguyên liệu công nghiệp: quặng mỏ, gỗ, cao su, bông, vải len,...  - Các mặt hàng xuất khẩu: sản phẩm công nghiệp chế biến (tàu biển, ô tô, xe gắn  máy, sản phẩm tin học, ...) chiếm 99% giá trị hàng xuất khẩu. | 0,25  0.25  0,25  0,25 |
| III  (4.0đ) | 1 | **Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sinh vật** | (1,0) |
|  | - Tóm tắt đặc điểm vị trí địa lí có ảnh hưởng đến sinh vật: tọa độ, giáp biển, nằm trên đường di cư…  - Ảnh hưởng đến sinh vật nước ta:  + Thành phần loài đa dạng, chủ yếu là loài nhiệt đới *(dẫn chứng).*  + Sinh trưởng nhanh, sinh khối lớn…  + Nhiều hệ sinh thái khác nhau..*.* | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | 2 | **Vì sao khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương** | (1,0) |
|  | - Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn, nhiệt độ nước biển cao  - Đặc điểm hình dạng lãnh thổ, địa hình… làm tăng khả năng ảnh hưởng của biển  - Các khối khí thổi vào nước ta khi qua biển được tăng cường độ ẩm, mang lại lượng mưa và độ ẩm lớn, khí hậu điều hòa hơn. | 0,25  0,5  0,25 |
|  | 3 | **Nêu đặc điểm thiên nhiên nổi bật của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ**  **phía Nam nước ta:** | (2,0) |
| |  | | --- | | \* Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra):  - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.  - Nhiệt độ trung bình năm trên 20oC, biên độ nhiệt trung bình năm lớn, số tháng lạnh  2 - 3 tháng <18oC.  - Sự phân hoá theo mùa: mùa Đông lạnh - mùa Hạ- nóng (phân mùa dựa theo nhiệt độ)  - Cảnh quan: đới rừng nhiệt đới gió mùa, các loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có  các loài cận nhiệt, ôn đới, các loài thú có lông dầy. | | \* Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào)  - Khí hậu cận xích đạo gió mùa, nóng quanh năm.  - Nhiệt độ trung bình năm trên 25%, biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ, không có  tháng lạnh <20oC.  - Sự phân hoá theo mùa: mưa - khô. ( phân mùa dựa vào lượng mưa)  - Cảnh quan: đới rừng cận xích đạo gió mùa, các loài động thực vật thuộc vùng xích đạo  và nhiệt đới với nhiều loài. | | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| IV  (3,0) | 1 | \* Tính tốc độ tăng trưởng  Bảng tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của thế giới, Nhật Bản (Đơn vị: %)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2010 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | | Thế giới | 100 | 115,3 | 122,6 | 130,0 | 132,6 | | Nhật Bản | 100 | 86,4 | 85,2 | 87,2 | 88,9 |   \* Nhân xét  Tốc độ tăng trưởng có sự khác nhau  - Thế giới tăng (d/c)  - Nhật Bản biến động, có xu hướng giảm (d/c)  Nguyên nhân: do Nhật Bản có quy mô GDP lớn; bị cạnh tranh của các nước; sức mua thấp… | (1,0)  0,25  0,25  0,5 |
| 2 | **Nêu nhận xét, giải thích tỷ suất tăng dân số tự nhiên thời kỳ 1975 – 2020.**  - Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước đang phát triển luôn cao hơn nhóm nước phát triển và toàn thế giới.  - Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của toàn thế giới, các nướ đang phát triển, phát triển giảm dần ( dẫn chứng), nhưng khác nhau ở từng nhóm (dẫn chứng)  - Tốc độ giảm của tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên ở các nước phát triển nhanh hơn nhóm nước đang phát triển (8 lần so với 1,53 lần).  - Cho đến nay, chỉ có tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước phát triển là ở mức thấp, còn nhóm đang phát triển và toàn thế giới có mức tăng chậm.  Giải thích:  - Các nước phát triển : tỉ suất gia tăng dân số giảm, thấp vì: Cơ cấu dân số già; nền kinh tế chủ yếu phát triển dịch vụ, công nghiệp; trình độ cao, phong tục tập quán…  - Các nước đang phát triển : tỉ suất gia tăng dân số cao hơn thế giới vì: cươ cấu dân số trẻ, nền kinh tế nông nghiệp cần nhiều lao động, trình độ thấp, phong tục tập quán… … | (2,0)  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5 |
|  |  |  |  |
| V  (4,0) |  | **Cho biết những nhân tố cơ bản tạo nên tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu nước ta:** | (1,0) |
| 1 | - Tính chất nhiệt đới của khí hậu được qui định bởi vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, nền nhiệt độ cao (vĩ độ).  - Do nước ta tiếp giáp với vùng biển Đông rộng lớn.  - Do vị trí nước ta nằm trong ô châu Á gió mùa (kinh độ) là nơi giao tranh của các khối khí hoạt động theo mùa.  - Do bối cảnh địa lí tự nhiên Việt Nam (địa hình, bề mặt đệm, hình dạng lãnh thổ...) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  |  |  |
| 2 | **Xác định và giải thích vùng có nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất nước ta. Giải thích** | 1,0 |
|  | - Những khu vực nằm trong thang nhiệt độ dưới 180C tập trung ở khu vực miền núi:  + Phía Bắc là khu vực Hoàng Liên Sơn và một số khu vực biên giới Việt – Trung.  + Phía Nam là khu vực núi Kon Tum và cao nguyên Lâm Viên.  - Nguyên nhân nhiệt độ thấp là do độ cao và còn ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc ở khu vực miền núi phía Bắc.  - Những khu vực nằm trong thang nhiệt độ trên 240C phân bố dọc khu vực Duyên hải cực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.  - Nguyên nhân do vị trí phía Nam có khí hậu cận xích đạo và không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 3 | **So sánh địa hình vùng núi Trường sơn Bắc và Trường sơn Nam** | (2,0) |
|  | **Giống nhau:**  - Có độ cao trung bình (phần lớn núi có độ cao tuyệt đối từ 1500 – 2000 m).  - Sườn phía Tây thoai thoải, sườn Đông dốc đứng.  - Có một số dãy núi đâm ngang ra biển (dãy Hoành Sơn, Bạch Mã, dãy đèo Cả, dãy Cù Mông).  **Khác nhau:**  Vùng núi Trường Sơn Bắc  - Vị trí: từ phía Nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.  - Độ cao và hướng địa hình:  + Hướng núi: TB- ĐN  + Bao gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng Tây Bắc-Đông Nam.  + Trường sơn Bắc thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu phía Bắc là vùng núi Tây Nghệ An, phía Nam là vùng núi Tây Thừa Thiên-Huế  + Ở giữa thấp trũng (vùng đá vôi Quảng Bình và đồi núi thấp Quảng Trị).  + Tận cùng là dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển là ranh giới với vùng núi Trường sơn Nam.  Vùng núi Trường Sơn Nam  - Vị trí: Từ dãy Bạch Mã trở vào. Gồm các khối núi và cao nguyên (khối núi Kom Tum và khối núi cực Nam Trung bộ được nâng cao đồ sộ).  - Độ cao và hướng địa hình:  + Hướng núi: vòng cung  + Phía Đông là địa hình núi cao trên 2000m, nghiêng dần về phía Đông (0.25đ), sườn dốc đổ về dải đồng bằng ven biển (0.25đ)  + Phía Tây là bề mặt các cao nguyên badan Pley ku, Đắc Lắk, Mơ Nông, Di Linh tương đối bằng phẳng (0.25đ) và các bán bình nguyên xen đồi ở phía Tây (0.25đ)  - Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông – Tây của vùng trường Sơn Nam | 0,5  0,75  0,75 |
| VI  (3,0) | 1 | *Chọn biểu đồ đường*. Biểu đồ khác không cho điểm.  Yêu cầu đúng, có tên, chú thích… | (1.5) |
| 2 | ***So sánh về thủy chế của sông Thu Bồn và sông Đồng Nai.*** | (1,5) |
|  | *- Giống nhau*: Chế độ nước của 2 con sông đều phân mùa lũ cạn rõ rệt.  *- Khác nhau:*  - Tổng lưu lượng nước của sông Đồng Nai lớn hơn sông Thu Bồn…  - Sự phân chia mùa lũ và mùa cạn:  + Sông Thu Bồn có mùa lũ ngắn và muộn, xảy ra vào thu - đông (từ tháng 10 đến tháng 12) với lưu lượng nước lớn. Tháng đỉnh lũ là tháng 11…. Ngoài ra còn lũ tiểu mãn vào tháng 6, 7. Mùa cạn rất dài từ tháng 1 đến tháng 9. Tháng kiệt nhất là tháng 4 ..  + Sông Đồng Nai: mùa lũ vào hạ - thu (tháng 7 đến tháng 11), tháng có lưu lượng cao nhất là tháng 8 ... Mùa cạn dài 7 tháng (từ tháng 12 đến tháng 6). Tháng kiệt nhất là tháng 3 … | 0,25  0,25  0,5  0,5 |
| Tổng |  | Câu I + II + III + IV + V + VI | 20 điểm |

------------------------HẾT------------------------